TOÀ ÁN NH DÂN HUYỆN Đ **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HS-ST
Ngày: 13- 01- 2023

NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NH DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Mai Thị Hồng Thái
- *Các Hội thẩm nH dân:* 1. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh
  2. Ông Nguyễn Thành Trung
- *Thư ký phiên toà:* Bà Lô Thị Lệ Hoài- Thư ký Toà án nH dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
- *Đại diện Viện kiểm sát nH dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà:* Ông Phan Thanh Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023 tại Hội E Tòa án nH dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 71/2022/TLST-HS ngày 27/12/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2022/QĐXXST-HS ngày 30/12/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên**: Trịnh Ngọc H**, Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 03/10/2003; Nơi cư trú và chỗ ở: xóm TG, xã NH, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán Dìu; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Trịnh Văn A, (đã chết);

Con bà: Đặng Thị B, sinh năm 1983; Vợ, con: chưa có; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/10/2022 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

- Những người tham gia tố tụng khác:

+ *Bị hại:* Chị Lục Thị T, sinh năm 1987;

Nơi cư trú : xóm TG, xã NH, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Đặng Thị B, sinh năm 1983(là mẹ đẻ của bị cáo);0

Nơi cư trú : xóm TG, xã NH, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 ngày 27/9/2022, Trịnh Ngọc H đang ở nhà thì nghe thấy tiếng xe mô tô của chị Lục Thị T (sinh năm: 1987, trú tại xóm TG, xã NH, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên) là thím của H ở gần nhà đi. H biết chị T đi thì chỉ còn lại cháu Trịnh Quốc E (SN: 2012, là con trai của chị T bị khuyết tật) ở nhà. Lúc này, H nảy sinh ý định đi sang nhà chị T trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài cá nH. Đến khoảng 08 giờ 30 cùng ngày, biết nhà chị T có lắp Camera an ninh nên H đi ra cột điện cách nhà chị T khoảng 100m dùng tay phải ngắt cầu giao điện của nhà chị T làm cho Camera an ninh không có điện để hoạt động. Sau đó, H đi bộ sang nhà chị T thấy cửa chính đóng nhưng không khóa. Quan sát xung quanh thấy không có ai, H mở cửa rồi đi vào trong nhà chị T. thấy em E nằm ở giường trong phòng ngủ, H liền đi vào trong phòng để đồ của nhà chị T thấy trong phòng có đặt 01 tủ loại tủ khung nhôm có 03 ngăn tủ to ở trên, 03 ngăn tủ nhỏ ở dưới. H đi đến vị trí để chiếc tủ thấy ngăn tủ phía trên bên trái và ngăn tủ giữa không khóa cửa, H mở ra thấy bên trong không có tài sản gì. Còn ngăn tủ ngoài cùng bên phải đã khóa, H thấy phía sau ngăn tủ này chỉ gắn tấm nhựa nên đã dùng tay phải cậy tấm nhựa ở phía sau ngăn tủ ra và dùng tay phải cho vào bên trong gạt mở chốt khóa, đẩy cửa tủ ra ngoài thấy bên trong có treo 01 túi vải màu xanh đã cũ có dây đeo, bên trong có 01 ví cầm tay màu nâu. H dùng tay phải lấy chiếc ví ra ngoài, rồi mở khóa thấy bên trong có tiền liền dùng tay phải lấy toàn bộ số tiền này cất vào trong túi quần phía trước bên phải đang mặc rồi để lại chiếc ví về chỗ cũ. Sau khi trộm cắp được tiền H đi về nhà lấy tập tiền vừa trộm cắp ra đếm được số tiền 6.520.000đ (Sáu triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm các mệnh giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng), 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), 100.000đ (một trăm nghìn đồng) và 20.000đ (hai mươi nghìn đồng). Sau đó sử dụng cá nH hết số tiền trên.

Ngày 26/10/2022 chị Lục Thị T có đơn trình báo gửi đến Công an huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên giải quyết. Ngày 27/10/2022 Công an huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên lập biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm đồng thời ra Lệnh khám xét khẩn cấp số 37/LKX-CQĐT ngày 27/10/2022 đối với Trịnh Ngọc H, cùng

ngày Công an huyện Đ đã tiến hành khám xét khẩn cấp người và chỗ ở của Trịnh Ngọc H; Kết quả không tạm giữ đồ vật, tài liệu gì.

Tại Cơ quan điều tra, Trịnh Ngọc H đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của H phù hợp với đơn trình báo, lời khai của người bị hại và các tài liệu đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án.

Vật chứng của vụ án: Số tiền 6.520.000 đồng không thu hồi được do bị cáo H đã sử dụng cá nH hết.

Phần dân sự: Bị hại - Chị Lục Thị T đề nghị H phải bồi thường 5.000.000(Năm triệu) đồng. Ngoài ra chị không yêu cầu bồi thường gì khác.

Bà Đặng Thị B(mẹ đẻ của bị cáo) đã tự nguyện bồi thường thay cho bị cáo số tiền 5.000.000(Năm triệu) đồng cho chị Lục Thị T, số tiền còn lại chị T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Bà Đặng Thị B không yêu cầu bị cáo phải trả bà số tiền 5.000.000(Năm triệu) đồng mà bà đã trả thay bị cáo.

Về Trách nhiệm hình sự: Chị T đề nghị HĐXX giảm nhẹ TNHS cho bị cáo Trịnh Ngọc H để bị cáo sớm trở về với gia đình, ngoài ra H còn là cháu ruột của chồng chị.

Tại bản Cáo trạng số 04/CT-VKSĐH, ngày 26/12/2022 Viện kiểm sát nH dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Trịnh Ngọc H về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nH dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa, sau khi pH tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội cũng như nH tH và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trịnh Ngọc H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **từ 9 đến 12 tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày 28/10/2022. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự năm 2015. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về trách nhiệm bồi thường giữa bị cáo và bị hại; cụ thể: Gia đình bị cáo đã bồi thường cho chị Lục Thị T số tiền 5.000.000(Năm triệu) đồng xong.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan(bà B) là mẹ của bị cáo trình bày:

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bà đã bồi thường cho bị hại (chị Lục Thị T) số tiền 5.000.000(Năm triệu đồng) theo yêu cầu của chị T. Việc bồi

thường đã được thực hiện xong. Bà không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả cho bà số tiền 5.000.000(Năm triệu đồng).

Bị hại(Chị T) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, trong đơn ghi rõ quan điểm xin HĐXX giảm hình phạt cho bị cáo và xác định phần bồi thường dân sự, mẹ của bị cáo đã bồi thường xong cho chị số tiền 5.000.000(Năm triệu đồng)

Trong lời nói sau cùng bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, điều tra viên và kiểm sát viên Viện kiểm sát nH dân huyện Đ tỉnh Thái Nguyên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa xét xử bị cáo **Trịnh Ngọc H** không yêu cầu được nhờ người bào chữa cho bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Khoảng 08 giờ 30 ngày 27/9/2022, tại xóm TG, xã NH, huyện Đ, Trịnh Ngọc H H đi bộ sang nhà chị T thấy cửa chính đóng nhưng không khóa. Quan sát xung quanh thấy không có ai, H mở cửa rồi đi vào trong nhà chị T cậy tủ trộm cắp 6.520.000(Sáu triệu năm trăm hai mươi nghìn) đồng. Số tiền này H đã sử dụng cá nH hết.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với đơn trình báo, biên bản sự việc, đặc điểm loại tài sản chiếm đoạt, sơ đồ, bản ảnh, biên bản hiện E phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nH dân. Hội đồng xét xử thấy, việc truy tố để xét xử đối với bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung Điều 173 Bộ luật hình sự quy định như sau:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng".

[2]. Xét nH tH và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi cá nH muốn có tiền để tiêu sài nhưng không muốn bỏ công sức lao động nên bị cáo đã cố ý phạm tội, điều này thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xét xử với mức hình phạt nghiêm khắc để giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc E hợp ít nghiêm trọng, bị cáo gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc E hợp ít nghiêm trọng và thành khẩn khai báo ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, gia đình bị cáo đã bồi thường thiệt hại thay cho bị cáo nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Khi lượng hình cần áp dụng hình phạt tù buộc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên sẽ xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được lượng khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo tốt sớm được trở về với gia đình và xã hội.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự thì bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, nhưng xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, không có tài sản riêng, còn sống chung phụ thuộc gia đình nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, hình phạt, trách nhiệm bồi thường dân sự của vụ án tại phiên tòa là có căn cứ, tuy nhiên mức hình phạt là quá nghiêm khắc. Hội đồng xét xử xét thấy hoàn cảnh gia đình của bị cáo có bố mất sớm, mẹ bị cáo đi làm ăn xa nên bị cáo thiếu sự quan tâm, chăm sóc giáo dục của gia đình. Tại phiên tòa bị cáo hối hận với hành vi của mình, bị cáo hứa sửa chữa sai phạm nên Hội đồng xét xử giảm mức hình phạt cho bị cáo được hưởng dưới mức hình phạt của đại diện VKS đề nghị.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại - chị Lục Thị T đề nghị bị cáo H phải bồi thường 5.000.000(Năm triệu) đồng, số tiền còn lại chị T không yêu cầu bị

cáo phải bồi thường. Bà Đặng Thị B(mẹ đẻ của bị cáo) đã tự nguyện bồi thường thay bị cáo số tiền 5.000.000(Năm triệu) đồng cho chị Lục Thị T xong.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Đặng Thị B(mẹ đẻ của bị cáo) không có yêu cầu gì đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm, án phí Dân sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo(H); Bị hại(chị T); Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án(bà B) có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 326 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Trịnh Ngọc H** phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Trịnh Ngọc H 07(Bảy) tháng tù.**

Thời hạn tù tính từ ngày 28/10/2022. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Quyết định tạm giam bị cáo Trịnh Ngọc H 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, Điều 585, 589 Bộ luật dân sự năm 2015. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về trách nhiệm bồi thường giữa bị cáo và bị hại, cụ thể: Bà Đặng Thị B(mẹ của bị cáo) đã bồi thường cho chị Lục Thị T số tiền 5.000.000(Năm triệu) đồng.(Hai bên đã thực hiện bồi thường và nhận bồi thường xong)

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trịnh Ngọc H phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước(nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên).

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án(bà Đặng Thị B), báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại- Chị Lục Thị T vắng mặt báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Cơ quan THA hình sự - CA huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên
- UBND xã NH, huyện Đ;
- Bị cáo, Bị hại; Người có QLNVLQ đến vụ án;
- Lưu: Hồ sơ, bộ phận Hình sự .

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

ĐÃ KÝ

Mai Thị Hồng Thái